TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2020/QĐST - HNGĐ	*TP. Thanh Hóa, ngày 26 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 206/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Đ, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

.- Bị đơn: Anh Hoàng Quốc Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N – chi nhánh TP. T.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Đ, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Trịnh Thị T2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đ, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Trịnh Thị T3, sinh năm 1964.

Địa chỉ: N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Hoàng Xuân Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: N, phường Đ, TP. Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Hoàng Quốc Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Hoàng Anh T4, sinh ngày 12/01/2008. Giao cháu T4 cho chị T trực tiếp nuôi, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu T4 thành niên. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị T rút yêu cầu về chia tài sản chung và công nợ của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu 150.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ. Chị T chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0001408 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T được nhận lại 150.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Trả lại cho chị T 9.062.000đ *(chín triệu, không trăm sáu hai nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2018/0001047 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND p. Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Nga